**NGÂN HÀNG CÂU 2 ĐIỂM:**

***Câu 1:******Ý nghĩa sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?***

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã mở ra thời kì mới cho cách mạng Việt Nam: thời kì đấu tranh giành độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã xác định được những nội dung cơ bản nhất của con đường cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh ra đời đã đáp ứng được những nhu cầu bức thiết của lịch sử và trở thành ngọn cờ tập hợp, thống nhất các tổ chức cộng sản, các lực lượng cách mạng và toàn thể dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.   
- Cách mạng Việt Nam từ đây có đường lối cách mạng đúng đắn và tổ chức cách mạng tiên phong lãnh đạo, chấm dứt sự khủng hoảng và bế tắc về con đường cứu nước: “Từ cuối thế kỷ XIX đến những thập niên đầu thế kỷ XX, nhân dân ta liên tiếp nổi dậy chống chủ nghĩa thực dân. Tiếp nối các phong trào Văn Thân và Cần Vư¬ơng, phong trào yêu n¬ớc ba mư¬ơi năm đầu thế kỷ XX diễn ra vô cùng anh dũng, từ khởi nghĩa Yên Thế và các phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân đến khởi nghĩa Yên Bái… như¬ng không thành công vì thiếu một đư¬ờng lối đúng”. “Năm 1930, kế thừa “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên” và các tổ chức cộng sản tiền thân, Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu b¬ước ngoặt của cách mạng Việt Nam”.  
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Điều đó nói lên quy luật ra đời của Đảng và cũng chứng tỏ giai cấp công nhân mà đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam đã trưởng thành và có đủ những yếu tố cơ bản nhất để khẳng định sự đảm nhiệm vai trò lãnh đạo đối với cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đánh dấu bước phát triển vế chất của cách mạng Việt Nam.   
- Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập khẳng định dứt khoát con đường đi lên của dân tộc Việt Nam từ 1930 là con đường cách mạng vô sản. Đó là sự lựa chọn của chính nhân dân Việt Nam, chính lịch sử dân tộc Việt Nam trong quá trình tìm con đường giải phóng dân tộc.  
- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chứng tỏ rằng: Giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng. Đó cũng là cột mốc lớn đánh dấu bước ngoặt trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước kéo dài mấy chục năm đã được giải quyết. Từ đây, cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, một Đảng Mác- Lênin chân chính với đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo là cơ sở lý luận vững chắc đảm bảo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và công cuộc phát triển của đất nước.  
- Sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cư¬ơng lĩnh đư¬ợc thông qua ở Hội nghị thành lập Đảng, từ năm 1930 cách mạng Việt Nam có đư¬ợc đư¬ờng lối chính trị toàn diện đề ra mục tiêu và ph¬ương pháp đấu tranh thích hợp, giải quyết triệt để những mâu thuẫn cơ bản của xã hội, đồng thời có đư¬ợc tổ chức Đảng cách mạng để lãnh đạo và tổ chức phong trào cách mạng. Sự ra đời của Đảng đã tạo những tiền đề và điều kiện để đ¬ưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác trên con đường giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng đất nước được, mở đầu bằng thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.  
- Đảng ra đời làm cho cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Từ đây giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam tham gia một cách tự giác vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới.   
- Sự đúng đắn của Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã được khẳng định bởi quá trình khảo nghiệm của lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước quá độ đi lên CNXH của dân tộc ta từ khi Đảng ra đời và đến nay vẫn là ngọn cờ dẫn dắt nhân dân ta trong công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh".

***C*** ***âu 2. Kết quả, ý nghĩa và nguyên nhân của quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước trong thời kì đổi mới***

· Công nghiệp hóa hiện đại hoá một quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và quản lí xã hội từ lao động thủ công sang sử dung phổ biến sức lao động , công nghệ và phương thức tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triến công nghệ và khoa học.  
· Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa:  
- Một là, cơ sở vật chất – kỹ thuật của đất nước được tăng cường đáng kể, khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng cao.  
- Hai là, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đạt được những kết quả quan trọng  
- Ba là, những thành tựu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã góp phần quan trọng đưa nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao.  
- Ý nghĩa: Những thành tựu trên có ý nghĩa rất quan trọng là cơ sở phấn đấu để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.  
· Hạn chế và nguyên nhân   
- Hạn chế:  
i. Tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn thấp so với khả năng và thấp hơn nhiều nước trong khu vực thời kỳ đầu công nghiệp hóa. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, thu nhập bình quân đầu người thấp.  
ii. Nguồn lực của đất nước chưa được sử dụng có hiệu quả cao; tài nguyên, đất đai và các nguồn vốn của nhà nước còn bị lãng phí, thất thoát nghiêm trọng. Nhiều nguồn lực trong dân chưa được phát huy.  
iii. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Trong công nghiệp các ngành sản phẩm có hàm lượng tri thức cao còn ít.  
iv. Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được thế mạnh để đi nhanh vào cơ cấu kinh tế hiện đại. Kinh tế vùng chưa có sự liên kết chặt chẽ, hiệu quả thấp và chưa được quan tâm đúng mức.  
v. Cơ cấu thành phần kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, chưa tạo được đầy đủ môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng và khả năng phát triển của các thành phần kinh tế.  
vi. Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý. Công tác quy hoạch chất lượng thấp, quản lý kém, chưa phù hợp với cơ chế thị trường.  
vii. Nhìn chung, mặc dù đã cố gắng dầu tư nhưng kế cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vẫn còn lạc hậu, thiếu đồng bộ chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.  
- Nguyên nhân:  
i. Nhiều chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để huy động và sử dụng được tốt nhất các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.  
ii. Cải cách hành chính còn chậm và kém hiệu quả. Công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu

***Câu 3: Kết quả, ý nghĩa và nguyên nhân cơ bản trong công tác đối ngoại của Đảng thời kỳ đổi mới thời kỳ 1975-1985?***

**\* Kết quả và ý nghĩa:**  
- Trong 10 năm trước đổi mới, quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa được tăng cường, trong đó đặc biệt là với Liên Xô.  
+ Ngày 29-6-1978, Việt Nam gia nhập hội đồng tương trợ kinh tế (khối SEV). Viện trợ hàng năm và kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trong khối SEV đều tăng (riêng ngoại thương chiếm 70 đến 80% kim ngạch buôn bán của Việt Nam).  
+ Ngày 31-11-1978, Việt Nam ký hiệp ước hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô.   
+ Thực hiện chủ trương mở rông quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế, từ năm 1975 đến năm 1977, nước ta đã thiết lập quan hệ ngoâi giao với 23 nước;   
+ ngày 15-9-1976, Việt Nam tiếp nhận ghế thành viên chính thức quỹ tiền tệ quốc tế (IMF);   
+ ngày 21-9-1976 tiếp nhận ghế thành viên chính thức ngân hàng thế giới (WB) );   
+ ngày 23-9-1976 gia nhập ngân hàng châu Á (ADB) );   
+ ngày 20-9-1977 tiếp nhận ghế thành viên Liên hợp quốc;   
+ tham gia tích cực các hoạt động phong trào không liên kết… kể từ năm 1977, một số nước tư bản mở quan hệ hợp tác kinh tế với Việt Nam.  
+ Với các nước khác thuộc khu vực Đông Nam Á, cuối năm 1976, Philppin và Thái Lan là nước cuối cùng trong tổ chức ASEAN thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam (tuy nhên, từ năm 1979, lấy cớ sự kiện Campuchia, các nước ASEAn tham gia liên minh thực hiện bao vây cô lập Việt Nam).   
Những kết quả Đối ngoại trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với cách mạng Việt Nam. Sự tăng cường hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa và mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế kể cả với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đã tranh thủ được nguồn viện trợ đáng kể góp phần vào việc khôi phục đất nước sau chiến tranh;   
- Việc trở thành thành viên chính thức của quỹ tiền tệ quốc tế, ngân hàng thế giới, ngân hàng phát triển Châu Á và trở thành thành viên chính thức của Liên Hợp Quốc, tham gia tích cực vào các hoạt động của phong trào không liên kết, đã tranh thủ được sự ủng hộ, hợp tác của các nước, các tổ chức quốc tế, đồng thời phát huy được vai trò của nước ta trên trường quốc tế.  
- Về việc thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước còn lại trong tổ chức ASEAN đã tạo thuân lợi cho việc triển khai các hoạt động đối ngoại trong giai đoạn sau nhằm xây dựng Đông Nam Á trở thành khu vực hòa bình hữu nghị và hợp tác.  
**Hạn chế**  
- Bên cạnh những kết quả đạt được ở trên, nhìn tổng quát, từ năm 1975 đến năm 1986, quan hệ quốc tế của Việt Nam cũng gặo những trở ngại lớn.   
- Từ những năm cuối của thập kỉ 70, nước ta bị bao vây, cấm vận vế kinh tế, cô lập về chính trị, vừa phải đương đầu với “một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt” của các thế lực thù địch.   
**Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trên:**  
- là do trong quan hệ đối ngoại giai đoạn này, chúng ta chưa nắm bắt được xu thế quốc tế chuyển từ đối đầu sang hòa hoãn và chạy đua kinh tế.   
- Do đó đã không tranh thủ được các nhân tố thuận lợi trong quan hệ quốc tế phục vụ cho công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh; không kịp thời đổi mới quan hệ đối ngoại cho phù hợp với tình hình.   
- Những hạn chế của đối ngoại Việt Nam giai đoạn này suy cho cùng đều xuất phát từ nguyên nhân cơ bản được Đại hội Đảng lần thứ VI chỉ ra “là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động đơn giản; nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan”

***C*** ***âu 4. Kết quả và nguyên nhân của việc thực hiện chủ trương của đảng về xây dựng hệ thống chính trị trong thời kì đổi mới nước ta***

· Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa:  
- Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Hoạt động của hệ thống chính trị ngày càng hướng về cơ sở.   
- Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong các khóa đã có nhiều đổi mới theo hướng phát huy dân chủ, cải cách hành chính, công khai các hoạt động của chính quyền, tăng cường đối thoại, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân.   
- Dân chủ trong xã hội có bước phát triển. Trình độ và năng lực làm chủ của nhân dân từng bước được nâng lên.  
- Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước được phân định rõ hơn, phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh.  
- Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội đã có nhiều đổi mới về tổ chức, bộ máy; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức để tập hợp ngày càng đông đảo các tẩng lớp nhân dân.  
- Đảng đã thường xuyên coi trọng việc xây dựng, chỉnh đốn, giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong điều kiện mới.  
**·**Hạn chế và nguyên nhân  
- Hạn chế   
i. Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của nhà nước, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa ngang tầm với đòi hỏi của tình hình.  
ii. Việc đổi mới nền hành chính quốc gia còn rất hạn chế.  
iii. Phương thức tổ chức, phong cách hoạt động của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội vẫn chưa thoát khỏi tình trạng hành chính. Vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn yếu, chưa có cơ chế thật hợp lý để phát huy vai trò của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội.  
iv. Nạn tham nhũng trong hệ thống chính trị còn trầm trọng, bệnh cục bộ, địa phương còn khá phổ biến. Quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm.  
- Nguyên nhân:  
i. Nhận thức về đổi mới hệ thống chính trị chưa có sự thống nhất cao, trong hoạch định và thực hiện một số chủ trương, giải pháp còn lúng túng, thiếu dứt khoác, không triệt để.  
ii. Việc đổi mới hệ thống chính trị chưa được quan tâm đúng mức, còn chậm trễ so với đổi mới kinh tế.

***C*** ***âu 5. Kết quả , ý nghĩa và nguyên nhân hạn chế trong quá trình thực hiện chủ trương xây dựng, phát triển văn hóa trong thời kì đổi mới***

Kết quả và ý nghĩa:€•  
- quá trình đổi mới tư duy về văn hóa, về xây dựng con người và nguồn nhân lực có bước phát triển rõ rệt; môi trường văn hóa có những chuyển biến theo hướng tích cực; hợp tác quốc tế về văn hóa được mở rộng.  
- Quy mô giáo dục và đào tạo tăng ở tất cả các cấp, các bậc học. Chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông có chuyển biến, cơ sở vật chất – kỹ thuật cho trường học trên cả nước được tăng cường đáng kể. Dân trí tiếp tục được nâng cao.  
- Khoa học và công nghệ có bước phát triển, phục vụ thiết thực hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.  
- Văn hóa phát triển, việc xây dựng đời sống văn hóa và nếp sống văn minh có tiến bộ ở tất cả các tỉnh, thành trong cả nước.  
*•*Hạn chế và nguyên nhân:  
- Đạo đức, lối sống tiếp tục diễn biến phức tạp, có một số mặt nghiêm trọng hơn, tổn hại không nhỏ đến uy tín của Đảng và Nhà nước, niềm tin của nhân dân.  
- Nhiệm vụ, xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa tạo được chuyển biến rõ rệt. Môi trường văn hóa còn bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, sự lan tràn của các sản phẩm và dịch vụ văn hóa mê tín dị đoan, độc hại, thấp kém, lai căng…  
- Sản phẩm văn hóa và các dịch vụ văn hóa còn rất thiếu những tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có ảnh hưởng tích cực và sâu sắc trong đời sống.  
*- Ba là,*việc xây dựng thể chế văn hóa còn chậm, chưa đổi mới, thiếu đồng bộ, làm hạn chế tác dụng của văn hóa đối với các lĩnh vực quan trọng của đời sống đất nước.  
*- Bốn là,*tình trạng nghèo nàn, thiếu thốn, lạc hậu về đời sống văn hóa – tinh thần ở nhiều vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng căn cứ cách mạng trước đây vẫn chưa được khắc phục có hiệu quả. Khoảng cách chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, khu vực, tầng lớp xã hội tiếp tục mở rộng.  
Nguyên nhân:€•  
- Các quan điểm chỉ đạo về phát triển văn hóa chưa được quán triệt đầy đủ cũng chưa được thực hiện nghiêm túc.  
- Bệnh chủ quan, duy ý chí trong quản lý kinh tế - xã hội cùng với cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài 20 năm đã tác động tiêu cực đến việc triển khai đường lối phát triển văn hóa.  
- Chưa xây dựng được cơ chế, chính sách và giải pháp phù hợp để phát triển văn hóa trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.  
Một bộ phận những người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa có biểu hiện xa rời đời sống, chạy theo chủ nghĩa thực dụng, thị hiếu thấp kém.

***C*** ***âu 6. Kết quả , ý nghĩa , nguyên nhân của quá trình thực hiện chủ trương của đảng về giải quyết vấn đề hội trong thời kì đổi mới***

Kết quả và ý nghĩa:€•  
- Qua hơn 20 năm đổi mới, lĩnh vực phát triển xã hội đã đạt nhiều thành tựu. Tính năng động xã hội khác hẳn thời bao cấp. Một xã hội mở đang dần dần hình thành với những con người không chờ bao cấp, dám nghĩ dám chịu trách nhiệm, không chấp nhận đói nghèo, lạc hậu, biết làm giàu, biết cạnh tranh và hành động vì cộng đồng, vì Tổ quốc. Cách thức quản lý xã hội dân chủ, cởi mở hơn, đề cao pháp luật hơn.  
- Bên cạnh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã xuất hiện ngày càng đông đảo các doanh nhân, tiểu chủ, chủ trang trại và các nhóm xã hội khác phấn đấu vì sự nghiệp “dân giàu, nước mạnh”. Thành tựu xóa đói giảm nghèo được nhân dân đồng tình, được quốc tế thừa nhận.  
- Đã coi sự phát triển giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.  
Hạn chế:€•  
- Áp lực gia tăng dân số vẫn còn lớn. Chất lượng dân số còn thấp đang là cản trở lớn đối với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. Vấn đề việc làm rất bức xúc và nan giải.  
- Sự phân hóa giàu – nghèo và bất công xã hội tiếp tục gia tăng đáng lo ngại.  
- Tệ nạn xã hội gia tăng và diễn biến rất phức tạp, gây thiệt hại lớn về kinh tế và an sinh xã hội.  
- Môi trường sinh thái bị ô nhiễm tiếp tục tăng thêm; tài nguyên bị khai thác bừa bãi và tàn phá.  
- Hệ thống giáo dục, y tế lạc hậu, xuống cấp, có nhiều bất cập; an sinh xã hội chưa bảo đảm.  
Nguyên nhân:€•  
- Tăng trưởng kinh tế vẫn tách rời mục tiêu và chính sách xã hội, chạy theo số lượng, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bền vững xã hội.  
- Quản lý còn nhiều bất cập, không theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội.

**C** **âu 7. Cơ hội và thách thức trong thực hiện đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế của đảng hiện nay:**

**Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991) đề ra chủ trương “ hợp tac bình đẳng và cùng có lợi với all các nước , không phân biệt chế độ chính trị- xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.**

**Trong văn kiện lien quan đến lĩnh vực đối ngoại, Đảng ta đều chỉ rõ cách thức của việc mở rộng quan hệ kinh tế, trên cơ sở đó Đảng đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo công tác đối ngoại.** Như vậy, đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế được **xác lập trong** mười năm đầu của thời kỳ đổi mới (1986-1996), đến Đại hội X (2006) được bổ sung, phát triển theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế hình thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ,hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế.  
**\_ Cơ hội và thách thức:**

* **Cơ hội : Xu thế hòa bình, hợp tác phát triển và xu thế toàn cầu hóa kinh tế tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác phát triển kinh tế. Mặt khác thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đã nâng cao thế và lực của nước ta trên trường quốc tế, tạo tiền đề mới cho quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.**
* **Về thách thức**: Những vấn đề toàn cầu như phân hoá giàu nghèo, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia…gây tác động bất lợi đối với nước ta.  
  Nền kinh tế Việt Nam phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt trên cả ba cấp độ: sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia; những biến động trên thị trường quốc tế sẽ tác động nhanh và mạnh hơn đến thị trường trong nước, tiềm ẩn nguy cơ gây rối loạn, thậm chí khủng hoảng kinh tế - tài chính.  
  Ngoài ra, lợi dụng toàn cầu hoá, các thế lực thù địch sử dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” chống phá chế độ chính trị và sự ổn định, phát triển của nước ta.
* Những cơ hội và thách thức nêu trên có mối quan hệ, tác động qua lại, có thể chuyển hoá lẫn nhau. Cơ hội không tự phát huy tác dụng mà tuỳ thuộc vào khả năng tận dụng cơ hội. Tận dụng tốt cơ hội sẽ tạo thế và lực mới để vượt qua thách thức, tạo ra cơ hội lớn hơn. Ngược lại, nếu không nắm bắt, tận dụng thì cơ hội có thể bị bỏ lỡ, thách thức sẽ tăng lên, lấn át cơ hội, cản trở sự phát triển. Thách thức tuy là sức ép trực tiếp, nhưng tác động đến đâu còn tuỳ thuộc vào khả năng và nỗ lực của chúng ta. Nếu tích cực chuẩn bị, có biện pháp đối phó hiệu quả, vươn lên nhanh trước sức ép của các thách thức thì không những sẽ vượt qua được thách thức, mà còn có thể biến thách thức thành động lực phát triển.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo thời gian qua còn bộ lộc nhiều hạn chế: Vẫn còn để một bộ phận cán bộ và nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về cơ sở pháp lý cũng như những cứ liệu lịch sử khẳng định chủ quyền biển, đảo của nước ta; cộng đồng quốc tế, đặc biệt là một số nước trong khu vực

**C** **âu 8. Nhiệm vụ , mục tiêu đối ngoại của đảng, nhà nước ta trong thời kì đổi mới**   
Nhiệm vụ.€•  
- Mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại  
 -Lấy việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc.

- Mở rộng đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế là để tạo them nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; kết hợp nội lực với các nguồn lực từ bên ngoài tạo thành nguồn lực tổng hợp đẻ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; phát huy vai trò và nâng cao vị thế của Việt Nam trong quan hệ quốc tế; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới và hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Mục tieu.€•  
- Thực hiện dân giau nước mạnh, xa hội công bằng, dân chủ, văn minh, phát huy va  
nâng cao vị thế của VN trong quan hệ quốc tế, góp phần tích cực vao công cuộc  
đấu tranh chung của nhân dân thế giới vi hoa binh, độc lập dân tộc dân chủ va  
tiến bộ xa hội  
- Tư tưởng chỉ đạo  
Trong quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế phải quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm:  
-Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của Việt Nam.  
-Giữ vững độc lập tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại.  
-Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế; cố gắng thúc đẩy mặt hợp tác, nhưng vẫn phải đấu tranh dưới hình thức và mức độ thích hợp với từng đối tác; đấu tranh để hợp tác; tránh trực diện đối đầu, tránh để bị đẩy vào thế cô lập.  
-Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị xã hội. Coi trọng quan hệ hoà bình, hợp tác với khu vực; chủ động tham gia các tổ chức đa phương, khu vực và toàn cầu.  
-Kết hợp đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Xác định hội nhập kinh tês quốc tế là công việc của toàn dân.  
-Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội; giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.  
-Phát huy tối đa nội lực đi đôi với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; xây dựng nền kinh tếđộc lập tự chủ; tạo ra và sử dụng có hiệu quả các lợi thế so sánh của đất nưởctong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.  
Trên cơ sở thực hiện các cam kết gia nhập WTO, đẩy nhanh nhịp độ cải cách thể chế, cơ chế, chính sách kinh tế phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.  
Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

**Câu 9: Phân tích phương châm đối ngoại của Đảng, nhà nước ta trong thời kì đổi mới.**  
 Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế  
Trong các văn kiện của Đảng liên quan đến đối ngoại, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khoá X (2-2007) đã đề ra một số chủ trương, chính sách lớn như:  
- **Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững**: Hội nhập sâu sắc và đầy đủ vào nền kinh tế thế giới, nước ta sẽ có địa vị bình đẳng với các thành viên khác khi tham gia vào việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu, thiết lập một trât tự kinh tế mới công bằng hơn; có điều kiện thuận lợi để đấu tranh bảo vệ quyền lợi dianh nghiệp Việt Nam tranh các cuộc tranh chấp thương mại với các nước khác, hạn chế được những thiệt hại trong hội nhập kinh tế quốc tế.  
- **Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp**: Chủ động và tichá cực xác định lộ hội nhập hợp lý, trong đó cần tận dụng những ưu đãi mà WTO dành cho các nước đang phát triển và kém phát triển; chủ động và tích cực nhưng phải hội nhập từng bước, dần mở cửa thị trường theo một lộ trình hợp lý.  
- **Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của WTO**: bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật; đa dạng hoá các hình thức sở hữu, phát triển kinh tế nhiều thành phần; thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường; xây dựng các sắc thuế công bằng, thống nhất, đơn giản, thuận tiện cho mọi chủ thể kinh doanh.  
- **Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước**: Kiên quyết loại bỏ nhanh các thủ tục hành chính không còn phù hợp; đẩy mạnh phân cấp gắn với tăng cường trách nhiệm và kiểm tra, giám sát; thực hiện công khai, minh bạch mọi chính sách, cơ chế quản lý.  
- **Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế**: Nâng cao năng lực điều hành của Chính phủ; tích cực thu hút đầu tư nước ngoài để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; các doanh nghiệp điều chỉnh quy mô và cơ cấu sản xuất trên cơ sở xác định đúng dắn chiến lược sản phẩm và thị trường; điều chỉnh quy hoạch phát triển, nhanh chóng có biện pháp nâng cao sức cạnh tranh của một số sản phẩm.  
- **Giải quyết tốt các vấn đề văn hoá, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập**: Bảo vệ và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc trong quá trình hội nhập; xây dựng cơ chế kiểm soát và chế tài xử lý sự xâm nhập của các sản phẩm và dịch vụ văn hoá không lành mạnh, gây phương hại đến đến sự phát triển đất nước, văn hoá và con người Việt Nam; kết hợp hài hoà giữa giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống với tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hoá tiên tiến trong quá trình giao lưu với các nền văn hoá bên ngoài.  
- Xây dựng và vận hành có hiệu quả mạng lưới an sinh xã hội như giáo dục, bảo hiểm, y tế; đẩy mạnh công tác xoá đói, giảm nghèo; có các biện pháp cấm, hạn chế nhập khẩu những mặt hàng có hại cho môi trường; tăng cường hợp tác quốc tế trên lĩnh vực bảo vệ môi trường.  
- **Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập:** Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh; có các phương án chống lại âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch.  
- **Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoai:** Tạo cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân nhằm tăng cường hiệu quả của hoạt động đối ngoại. Các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương cần hướng mạnh vào việc phục vụ đắc lực nhiệm vụ mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Tích cực tham gia đấu tranh vì một hệ thống quan hệ kinh tế quốc tế bình đẳng, công bằng, cùng có lợi.  
- **Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại**: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tập trung xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, trọng tâm là cải cách hành chính.

***Câu 10: Quan điểm chỉ đạo của Đảng trong thực hiện đường lối đối ngoại trong thời kì mới***.

**Giữ vưng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ:**  
Hơn 20 năm thực hiện đường lối mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế, nước ta đã đạt được những kết quả:  
Một là, phá thế bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  
Việc tham gia ký Hiệp định Pải (23-10-1991) về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Camphuchia, đã mở ra tiền đề để Việt Nam thúc đẩy quan hệ với khu vực và cộng đồng quốc tế.  
Việt Nam đã bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc (10-11-1991); tháng 11-1992 Chính phủ Nhật Bản quyết định nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam; bình thường hoá quan hệ với Hoa Kỳ (11-7-1995).  
Tháng 7-1995 Việt Nam gia nhập ASEAN, đánh dấu sự hội nhập của nước ta với khu vực Đông Nam Á.

* **Hai là, giải quyết hoà bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan**.  
  Đã đàm phán thành công với Malaixia về giải pháp “gác tranh chấp, cùng khai thác” ở vìng biển chồng lấn giữa hai nước. Thu hẹp diện tranh chấp vùng biển giữa ta và các nước ASEAN. Đã ký với Trang Quốc: Hiệp ước về phân định biên giới trên bộ, Hiệp định phân Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác về nghề cá.
* **Ba là, mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá.**  
  Lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam có quan hệ chínhthức với tất cả các nước lớn, kể cả 5 nước Uỷ viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; tất cả các nước lớn đều coi trọng vai trò của Việt Nam ở Đông Nam Á. Đã ký Hiệp định khung về hợp tác với EU (1995); năm 1999 ký thoả thuận với Trung Quốc khung khổ quan hệ “ Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”; tháng 5-2008 thiết lập quan hệ đối tác hợp tác toàn diện Việt Nam – Trung Quốc; ngày 13-7-2001, ký kết Hiệp định thương mại song phương việt Nam – Hoa Kỳ; tuyên bố về quan hệ đối tác chiến lược với Nga (2001); khung khổ quan hệ đối tác tin cậy và ổn định lâu dài với Nhật Bản(2002).  
  Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 169 nước trên tổng số hơn 200 nước trên thế giới.  
  Tháng 10-2007, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã bầu Việt Nam làm uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2008-2009.
* **Bốn là, tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế.**Năm 1993, Việt Nam khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như: Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB); sau khi gia nhập ASEAN ( AFTA); tháng 3-1996, tham gia Diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM) với tư cách là thành viên sáng lập; tháng 11-1998, gia nhập tổ chức Diễn đàn hợp tác châu Á – Thái Bình Dương (APEC); ngày 11-1-2007, Việt Nam được kết nạp làm thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).
* **Năm là, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng quản lý.**Về mở rộng thị trường: Nước ta đã tạo dựng được quan hệ kinh tế thương mại với trên 180 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có 74 nước áp dụng quy chế tối huệ quốc; thiết lập và ký kết hiệp định thương mại hai chiều với gần 90 nước và vùng lãnh thổ. Nếu năm 1986 kim ngạch xuất kẩu chỉ đạt 789 triệu USD, đến năm 2007 đạt 48 tỷ USD; năm 2008 đạt khoảng 62,9 tỷ USD.  
  Việt Nam đã thu hút được khối lượng lớn đầu tư nước ngoài. Năm 2007, thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam đạt 20,3 tỷ USD; năm 2008 đạt khoảng 65 tỷ USD.  
  Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo cơ hội để nước ta tiếp cận những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới. Nhiều công nghệ hiện đại, dây chuyền sản xuất tiên tiến được sử dụng đã tạo nên bước phát triển mới trong các ngành sản xuất. Đồng thời, thông qua dự án liên doanh hợp tác với nước ngoài, các doanh nghoệp Việt Nam đã tiếp nhận được nhiều kinh nghiệm quản lý sản xuất hiện đại.
* **Sáu là, từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh**.  
  Trong quá trình hội nhập, nhiều doanh nghiệp đã đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng, không ngừng vươn lên trong cạnh tranh để tồn tại và phát triển.  
  Tư duy làm ăn mới, lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo và đội ngũ các nhà doanh nghiệp mới năng động, sáng tạo có kiến thức quản lý đang hình thành.  
  Những kết quả trên đây có ý nghĩa rất quan trọng: đã tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài kết hợp với các nguồn lực trong nước hình thành sức mạnh tổng hợp góp phần đưa đến những thành tựu kinh tế to lớn. Góp phần giữ vững và củng cố độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh quốc gia và bản sắc văn hoá dân tộc; nâng cao vị thế và phát huy vai trò nước ta trên trường quốc tế.  
  Quá trình thực hiện đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 1986 đến 2008 mặc dù còn những hạn chế nhưng thành tựu là cơ bản, có ý nghĩa rất quan trọng: góp phần đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển mới; thế và lực của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế. Các thành tựu đối ngoại trong hơn 20 năm qua đã chứng minh đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới là đúng đắn và sáng tạo. THỰC TIỄN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

***Câu 11: Nguyên nhân thắng lợi của cách mạng chống thực dân Pháp xâm lược?***

Thắng lợi vẻ vang của sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta là do các nhân tố cơ bản sau đây:  
- Có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính, có sức mạnh động viên và tổ chức toàn dân đánh giặc.  
- Có sự đoàn kết chiến đấu của toàn dân tập hợp trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi - Mặt trận Liên Việt - được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công nông và trí thức vững chắc.  
- Có lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân do Đảng ta trực tiếp lãnh đạo ngày càng vững mạnh, chiến đấu dũng cảm, mưu lược, tài trí là lực lượng quyết định tiêu diệt địch trên chiến trường, đè bẹp ý chí xâm lược của địch, giải phóng đất đai của Tổ quốc.  
- Có chính quyền dân chủ nhân dân, của dân, do dân và vì dân được giữ vững, củng cố và lớn mạnh, làm công cụ sắc bén tổ chức toàn dân kháng chiến và xây dựng chế độ mới.  
- Có sự liên minh chiến đấu keo sơn giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia cùng chống một kẻ thù chung; có sự đồng tình, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa, của các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Pháp.  
Với ý chí "thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chiến đấu kiên cường và chiến thắng ngày càng to lớn, tiêu biểu là chiến thắng lẫy lừng Điện Biên Phủ. Chúng ta đã bảo vệ được chính quyền cách mạng, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức ở mức độ cao, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện tiến lên hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước.

***Câu 12:****Ý nghĩa thắng lợi của cuộc khắng chiến chống Pháp xâm lược?*

- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi đã khẳng định sức mạnh và truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc ta. Sức mạnh của ý chí tự lực tự cường của một dân tộc có truyền thống văn hiến đã đánh thắng một trong những cường quốc của thế giới hiện đại. Chủ nghĩa yêu nước và truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam đã được phát huy trong thời đại mới, thời đại CM giải phóng dân tộc gắn liền vời chủ nghĩa xã hội.   
Thắng lợi này là hiện thực hóa đầy sáng tạo đường lối CM của Đảng, cũng như thiên tài của chủ tịch HCM. Trước những sóng gió của lịch sử chủ tịch HCM cùng với Đảng ta đã chèo lái con thuyền cm vượt qua khó khăn đi tới thắng lợi từ thực tế sinh động đó, đường lối kháng chiến được phát triển bổ sung phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn trong suốt cuộc kháng chiến   
Thắng lợi của cuộc kháng chiến 9 năm trường kỳ đã nói lên sức sống mãnh liệt và một tiềm năng to lớn của một chế độ xã hội mơi, một thể chế chính trị tiến bộ trong lịch sử tiến bộ của dân tộc Việt Nam.Thành quả của CMT8 được bảo vệ và phát triển.Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trẻ tuổi đã đứng vững trước những thử thách của lịch sử   
Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo căn cứ cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc.Đây là tiền đề to lớn nhất cho sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân ta trong thời kì mới, thời kì cả nước đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng trên 2 miền đất nước, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù được coi là sen đầm của thế giới hiện đại.   
Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng giữa 2 hệ thống, báo hiệu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi thế giới. Việt Nam- Điện Biên Phủ-Hồ Chí Minh đã trở thành biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng CM,mang lại niềm tin mạnh mẽ cho các dân tộc nhỏ bé đang đấu tranh cho độc lập dân tộc,dân chủ và tiến bộ xã hội trong thế giới ngày nay.   
Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc bằng chiến dịch Điện biên Phủ lịch sử và hiệp định Gionever là thời đại Hồ CHí Minh. Chiến thắng này đặt cơ sở vững chắc cho cuộc kháng chiến chống Mỹ và những thắng lợi của CM Việt nam sau này.

***Câu 13,14,15,16,17:****Tình hình các giai cấp trong xã hội Việt Nam thuộc địa nữa phong kiến?*

Sự phân hoá của các giai cấp trong xã hội Việt Nam là kết quả của chính sách thống trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Sau khi đặt ách thống trị lên nước ta chúng bắt tay ngay vào khai thác thuộc địa nước ta. Chính vì thế chúng cần một lượng lớn nhân công lao động do đó giai cấp công nhân đã ra đời. Ngay sau đó các giai cấp khác cũng lần lượt ra đời đó là giai cấp tư bản, giai cấp tiểu tư sản điều này đã làm cho xã hội Việt Nam có sự phân hóa hết sức sâu sắc. Mỗi giai cấp lại có một đặc điểm riêng biệt việc xác định giai cấp lãnh đạo cách mạng là rất quan trọng.  
 Địa chủ phong kiến:♣  
Giai cấp địa chủ phong kiến tồn tại hàng nghìn năm trong lịch sử từ địa vị là giai cấp thống trị nay trở thành tay sai cho thực dân Pháp câu kết với thực dân Pháp bóc lột nhân dân ta. Giai cấp địa chủ được chia thành:  
+ Đại địa chủ: có nhiều ruộng đất, câu kết với thực dân Pháp bóc lột nhân dân ta  
+ Trung địa chủ  
+ Tiểu địa chủ  
- Những địa chủ phong kiến phản cách mạng được thực dân Pháp dung dưỡng và nuôi béo vì vậy đây chính là đối tượng của cách mạng  
- Những địa chủ phong kiến bị đế quốc chèn ép có tinh thần dân tộc và tinh thần cách mạng. Tuy nhiên cũng không trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng.  
**Giai cấp nông dân♣**  
- Chiếm 90% trong xã hội phong kiến thực dân Việt Nam bao gồm: Phú nông, trung nông, bần nông, cố nông  
- Giai cấp nông dân bị địa chủ phong kiến và đế quốc bóc lột nặng nề, đế quốc bóc lột nhân dân bằng sưu cao thuế nặng, địa chủ bóc lột nhân dân bằng cướp đoạt ruộng đất, địa tô, cướp đoạt ruộng đất dẫn đến giai cấp nông dân bị đẩy vào đường cùng.  
- Giai cấp nông dân là lực lượng đông đảo nhất và hăng hái nhất có vai trò quyết định đến cuộc giải phóng dân tộc, bị đế quốc và địa chủ chèn ép mâu thuẫn đặc biệt với đế quốc thực dân và phong kiến tay sai phản động vừa có mâu thuẫn về dân tộc vừa có mâu thuẫn về giai cấp trong đó mâu thuẫn dân tộc là lớn nhất. Tuy nhiên giai cấp nông dân cũng không thể trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng do trình độ văn hoá thấp.  
Giai cấp công nhân♣  
- Ra đời trong cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ngay từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.  
- Giai cấp công nhân Việt Nam còn rất trẻ chiếm 1% dân số, trình độ văn hoá kỹ thuật rất thấp.  
- Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam: Ngoài những đặc điểm chung với giai cấp công nhân thế giới giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng biệt khác so với giai cấp công nhân thế giới.  
**\* Đặc điểm riêng của giai cấp công nhân Việt Nam**  
- Chịu 3 tầng áp bức bóc lột (Đế quốc, tư bản trong nước, địa chủ phong kiến).  
- Phần lớn xuất thân từ giai cấp nông dân cho nên họ gắn bó với dân tộc có mới quan hệ gần gũi với nhân dân và có mối thâm thù với thực dân Pháp.  
- Ra đời trước tư sản lực lượng đồng nhất không bị phân tán về lực lượng và sức mạnh.  
- Kế thừa truyền thống yêu nước đấu tranh của dân tộc.  
- Do ra đời muộn giai cấp công nhân Việt Nam tiếp thu được ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới, ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin và cách mạng tháng Mười Nga.  
- Giai cấp công nhân Việt Nam đã sớm trở thành một lực lượng chính trị độc lập, có đủ điều kiện và năng lực để lãnh đạo cách mạng.  
 **Giai cấp tư sản♣**- Ra đời trong cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp sau chiến tranh thế giới thứ nhất họ đã trở thành một giai cấp rõ rệt trước đó họ chỉ được gọi là một tầng lớp.  
- Tư sản mại bản là những tư bản hoạt động trong lĩnh vực thầu khoán, công nghiệp và xây dựng có quyền lợi gắn liền với thực dân Pháp trở thành đối tượng của cách mạng.  
- Tư sản dân tộc là những nhà tư sản vừa và nhỏ có xu hướng kinh doanh độc lập bị tư sản Pháp chèn ép nên họ có tinh thần dân tộc chống thực dân Pháp, chống phong kiến. Giai cấp này có tư tưởng dao động do đó cũng không thể trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng.  
 **Giai cấp tiểu tư sản♣**- Hình thành trong cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp sau chiến tranh thế giới thứ nhất bao gồm: Trí thức, học sinh-sinh viên, công chức, tiểu thương, tiểu chủ, dân nghèo thành thị. Họ sống chủ yếu ở thành thị và khu công nghiệp bị thực dân Pháp chèn ép dễ bị rơi vào tình trạng thất nghiệp.  
- Giai cấp tiểu tư sản cũng rất hăng hái tham gia cách mạng và là một trong những động lực đáng kể của cách mạng, họ là đồng minh của giai cấp công nhân có thể đi với giai cấp công nhân đến xã hội chủ nghĩa.Tuy nhiên tư tưởng của họ rất dao động do đó cũng không thể trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng.  
Tóm lại sự phân hoá các giai cấp trong xã hội Việt Nam là kết quả của quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Trong đó sự xuất hiện của giai cấp công nhân giai cấp mang sứ mạng lịch sử là đoàn kết và lãnh đạo các giai cấp khác đứng lên đấu tranh chống đế quốc Pháp giải phóng dân tộc. Ngoài ra các giai cấp nông dân có lực lượng đông đảo có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của cách mạng. Các giai cấp khác nếu đi theo cách mạng cần phải lôi kéo về phía cách mạng, còn lực lượng nào chống đối cách mạng sẽ là đối tượng của cách mạng.

***Câu 18: Nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng 8 năm 1945?***

Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, dân tộc Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta từ người nô lệ trở thành người chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Đảng ta trở thành một Đảng lãnh đạo chính quyền trong cả nước. Nước ta từ một nước thuộc địa và nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, một nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.  
**NN khách quan**  
- Cách mạng Tháng Tám nổ ra trong hoàn cảnh khách quan rất thuận lợi: kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phátxít Nhật đã bị Liên Xô và Đồng minh đánh bại, quân đội Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần chiến đấu, chính phủ Trần Trọng Kim rệu rã. Đảng Cộng sản Đông Dương đã chớp thời cơ đó phát động toàn dân nổi dậy nên đã giành được thắng lợi nhanh chóng và ít đổ máu.  
**NN chủ quan:**  
- Cách mạng tháng 8 là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh gian khổ của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được rèn luyện qua 3 cao trào cách mạng rộng lớn: Cao trào cách mạng 1930-1931, cao trào 1936-1939 và cao trào giải phóng dân tộc 1939-1945. Quần chúng cách mạng được Đảng tổ chức, lãnh đạo và rèn luyện bằng thực tiễn đấu tranh đã trở thành lực lượng hùng hậu, có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.  
- Cách mạng tháng Tám là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được rèn luyện qua cao trào 36 - 39 và cao trào vận động giải phóng dân tộc 1939 - 1945. Quần chúng cách mạng đã được tổ chức lãnh đạo và rèn luyện bằng thực tiễn đấu tranh và trở thành lực lượng chính trị hùng hậu, có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.   
- Cách mạng tháng Tám thành công là do Đảng ta chuẩn bị được lực lượng vĩ đại toàn dân đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng.   
- Đảng là người tổ chức và lãnh đạo cách mạng tháng Tám, vì Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, nắm đúng thời cơ và chỉ đạo, kiên quyết khôn khéo tạo nên sức mạnh tổng hợp áp đảo kẻ thù.   
- Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định, chủ yếu của cách mạng tháng Tám.

***Câu 19: Kết quả thắng lợi của cách mạng Tháng 8 năm 1945?***

- Thắng lợi này đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân pháp trong gần 1 thế kỉ, lật nhào chế độ quân chủ hàng mấy nghìn năm và ách thống trị của phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở ĐNÁ. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân của nước độc lập tự do làm chủ vận mệnh của mình.  
- Thắng lợi của cách mạng tháng Tám là thắng lợi của chủ nghĩa Mac-lenin được vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam, là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng đúng đắn và đầy sáng tạo của đảng ta đã gắn độc lập dân tộc với CNXH, gắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại  
- Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công mau lẹ và ngoạn mục không phải là sự ngẫu nhiên mà là kết quả của một quá trình đấu tranh lâu dài, kiên cường bất khuất của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của 1 đảng Macxit đó là đảng cộng sản Việt Nam.  
- Cách mạng tháng Tám đánh dấu 1 bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Đây là quá trình phát triển tất yếu của lịch sử dân tộc trải qua mấy nghìn năm phấn đấu, đỉnh cao của ý trí quật cường, sức mạnh cố kết cộng đồng, tầm cao trí tuệ dân tộc hòa quyện với những tư tưởng của C.Mac, Ăng ghen, Lê nin, Hồ Chí Minh, với xu hướng của thời đại vì hòa bình dân chủ và tiến bộ xã hội, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa XH.

***Câu 20: Ý nghĩa thắng lợi cách mạng tháng 8 năm 1945?***

**\* Đối với dân tộc:**  
- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình do Đảng Cộng sản lãnh đạo, lần đầu tiên giành thắng lợi ở một nước thuộc địa. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, nhân dân Việt Nam đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ trên đất nước ta, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế ngót nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước do nhân dân lao động làm chủ.  
- Cách mạng tháng 8 năm 1945 đã đánh dấu một trang sử vẻ vang của dân tộc ta, đánh dấu sự đổi đời của một dân tộc. Cách mạng Tháng Tám đã đưa nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập dân chủ, đưa Đảng ta từ một Đảng không hợp pháp trở thành một Đảng nắm chính quyền, đưa dân tộc ta lên hàng các dân tộc tiên phong trên thế giới.  
- Cách mạng Tháng Tám đã mở ra một kỷ nguyên mới cho cách mạng nước ta- kỷ nguyên của độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.  
- Cách mạng tháng Tám là minh chứng hùng hồn cho vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam với đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản. Đây là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình do Đảng Cộng sản lãnh đạo, là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác- Lênin ở một nước thuộc địa.  
- Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, "Chẳng những giai cấp lao động mà nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc"  
**\* Đối với quốc tế:**  
- Cách mạng Tháng Tám đã nâng cao vị thế quốc tế của dân tộc Việt Nam. Lần đầu tiên một dân tộc nhược tiểu đã tự giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân.  
-Cách mạng Tháng Tám đã phá tan một mắt xích quan trọng của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ. Mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã không gì cứu vãn nổi của chủ nghĩa thực dân cũ, góp phần cống hiến lớn lao vào sự nghiệp giải trừ chủ nghĩa thực dân và giải phóng dân tộc trên thế giới.  
- Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh và đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo của Đảng. Nó chứng tỏ rằng: ở thời đại chúng ta, một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do giai cấp công nhân lãnh đạo hoàn toàn có khả năng thắng lợi ở một nước thuộc địa. Cuộc cách mạng đó quan hệ mật thiết với cách mạng vô sản ở "chính quốc", nhưng không lệ thuộc vào cách mạng ở "chính quốc". Trái lại, nó có thể giành được thắng lợi trước khi giai cấp công nhân "chính quốc" lên nắm chính quyền.